TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Tin;

2, Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27tháng 6năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày01tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983, địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang(có mặt)

**** Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2022, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:*** Anh và chị Th lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã H, huyện Yên Dũng ngày 26/3/2015, sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà anh tại thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh bắt đầu từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi cọ nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 10/2021, mâu thuẫn trầm trọng,vợ chồng anh mỗi người sống

một nơi, anh sinh sống một mình tại cửa hàng kinh doanh của gia đình ở thành phố Bắc Giang, chị Th sống tại quán cà phê của gia đình ở thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, kinh tế độc lập, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hai bên gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn găn được anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th, anh đề nghị Tòa án không hòa giải nhiều lần.

Về con chung: Anh và chị Th có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, thời gian chung sống với gia đình nhà anh, vợ chồng anh không đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà anh, anhkhông có yêu cầu gì.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ

Tại phiên tòa anh Sang trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Th, về con chung, do còn còn nhỏ,anh đồng ý cho chị Th nuôi con, tôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th 5.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang kinh doanh tự do, thu nhập của anh mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh không yêu cầu giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:***Chị và anh S lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hngày 26/3/2015. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh S sống, vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ chồng được 03 năm đến năm 2018, vợ chồng ra ở riêng, mở cửa hàng kinh doanh tại thành phố Bắc Giang đến năm 2020, chị sinh con, vợ chồng về thuê trọ ở thôn T, xã H. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi kết hôn đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên đi chơi về muộn, chị có hỏi anh S đi đâu thì anh Sang không nói, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 11/2021 anh S bỏ lên sống tại cửa hàng kinh doanh của gia đình tại thành phố Bắc Giang. Chị có khuyên bảo anh S về chung sống để cùng nuôi dạy con cái, anh S có nói là muốn sống một mình, không muốn sống cùng chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2021, không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau, anh S thỉnh thoảng có về thăm con và gửi tiền để chị nuôi con. Vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình có hòa giải, anh S nói không ly hôn nhưng vẫn gửi đơn đến Tòa án. Nay anh S làm đơn ly hôn, chị không đồng ý vì chị xác

định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị . Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị anh S cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ

* ***Tài liệu Tòa án thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2022ông Nguyễn Văn C là bố đẻ anh Nguyễn Văn S cung cấp như sau:Năm 2015, gia đình ông tổ chức cưới cho anh S, chị Th, sau khi cưới anh S, chị Th sống chung cùng với gia đình ông đến năm 2018 anh S, chị Th mở cửa hàng kinh doanh tại thành phố Bắc Giang và ở tại cửa hàng đến năm 2020 anh S, chị Th thuê nhà và sinh sống tại ở thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống anh S, chị Th phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào và từ bao giờ gia đình không biết, tháng 02/2022, gia đình có nghe nói anh sang chị Th mâu thuẫn anh S có làm đơn ly hôn, gia đình có hòa giải và động viên anh S, chị Th về đoàn tụ nhưng anh S không nghe, từ cuối năm 2021 đến nay anh S không chung sống cùng với chị Th, anh S chị Th sống ly thân. Nay anh S làm đơn xin ly hôn chị Th, gia đình đề nghị Tòa án hòa giải để anh S, chị Th về đoàn tụ. Anh S, chị Th có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020, hiện đang sống cùng chị Th.Anh S, chị Th có tài sản chung gì gia đình không biết.

+ Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2022bà Nguyễn Thị R, trưởng thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cung cấp: anh S, chị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, năm 2015 chị Th và anh S kết hôn chung sống cùng với gia đình anh S, một thời gian sau địa phương thấy anh S, chị Th thuê nhà ở riêng tại thôn T, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Khoảng cuối năm 2021 địa phương thấy anh S, chị Th không chung sống cùng nhau. Nay anh S có đơn xin ly hôn chị Th, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh S, chị Th có một con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020, hiện đang do chị Th nuôi dưỡng. Anh S, chị Th có tài sản chung hay có nợ ai không thì địa phương không biết.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th vắng mặt không có lý do.

- Ngày 15/6/2022, Tòa án đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là chị Th vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

- Tại phiên toà hôm nay, bị đơn là chị Th tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S và xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị Th. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡngnuôi con, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí, anh S phải chịu 300.000 đồng án phíly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại gia đình và địa phương thì hiện tại chị Th đang sinh sống tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã giao toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật, chị Th đều ký nhận, nhưng chị Th không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Như vậy xác định chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày26/03/2015 tại UBND xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh S và chị Th là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cuối năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh S trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ nhau, anh S và chị Th ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, kinh tế riêng, anh S vẫn cương quyết ly hôn. Còn chị Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên về muộn,

chị hỏi lý do thì anh Skhông nói, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ. Chị Th cũng xác định vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn gần gũi tình cảm, nhưng chị không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương và gia đình đều xác nhận chị Th và anh S không sống chung cùng với nhau từ cuối năm 2021 đến nay, mỗi người sống một nơi. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng chị Th không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định chị Th không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Sang là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh S và chị Th có con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020, khi ly hôn chị Th nhận nuôi con và anh S đồng ý thì thấy: Cháu Ng còn nhỏ chưa đủ ba tuổi, cháu Ng đang do chị Th chăm sóchiện tại cuộc sống của cháu Ng vẫn được đảm bảo đầy đủ, cháu Ng vẫn phát triển tốt. Để đảm bảo suộc sống sinh hoạt của cháu Ng được ổn định và đảm bảo cháu Ng có cuộc sống tốt nhất, do vậy, Hội đồng xét xử cần giao con cho chị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dụclà phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng nhưng anh S nhất trí cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi thì thấy:Anh S đang kinh doanh tự do, thu nhập của anh S theo như anh S trình bày từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, sau khi đã trừ các chi phí, anh Sang tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Th 5.000.000 đồng/1 tháng là hoàn toàn phù hợp với khả năng của anh S, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng của anh S là 5.000.000 đồng /1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Người không nuôi concó quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Sang, chị Tthủy không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hộiquy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 116 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 04/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th, mức cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng,thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi chị Th, anh S có yêu cầu khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai số 0009461ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4.Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng,
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng,
- UBND xã Hương Gián, huyện Yên Dũng,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngọ Thị Thanh Hảo